

KHAI THÁC CÁC LỢI THẾ CỦA HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO VIỆT NAM – EU NHẪM ĐẨY MẠNH XUẤT KHẨU HÀNG NÔNG SẢN CỦA VIỆT NAM VÀO THỊ TRƯỜNG EU

Đỗ Thị Hòa Nhã, Ma Thị Huyền Nga

Trường Đại học Kinh tế & Quản trị kinh doanh – ĐH Thái Nguyên

TÓM TẮT

Ngày 02/12/2015, Việt Nam và Liên minh châu Âu đã chính thức kết thúc đàm phán Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam – EU (gọi tắt là EVFTA). Được đánh giá là Hiệp định Thương mại “thế hệ mới” của Việt Nam, EVFTA dự kiến sẽ mang lại lợi thế lớn cho xuất khẩu, đặc biệt là xuất khẩu hàng nông sản (XKHNS) của nước ta. Trong bài báo này, tác giả mô tả thực trạng XKHNS của Việt Nam vào thị trường EU giai đoạn 2005- 2015, kết quả đạt được và hạn chế còn tồn tại. Tác giả cũng phân tích những cam kết chính của EVFTA có liên quan trực tiếp đến hoạt động XKHNS của Việt Nam. Từ đó, đề xuất một số giải pháp để khai thác các lợi thế của Hiệp định nhằm đẩy mạnh XKHNS của nước ta vào thị trường EU trong thời gian tới.

Từ khóa: Xuất khẩu; Hàng nông sản; cam kết; Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam – EU; Thuận lợi thương mại

ĐẶT VẤN ĐỀ

Những năm gần đây, mặc dù hoạt động XKHNS của Việt Nam vào thị trường này đã có sự tăng trưởng nhất định nhưng tiềm năng của thị trường này còn lớn vì hiện nay kim ngạch xuất khẩu hàng nông sản (KNXKHNS) của nước ta mới chỉ đạt 0,5% tổng nhập khẩu nông sản của EU. Theo dự kiến, Hiệp định EVFTA cũng sẽ bắt đầu có hiệu lực từ năm 2018. Sự kiện này sẽ tác động không nhỏ đến XKHNS nước ta. Xuất phát từ lý do đó, trong bài báo này, tác giả tập trung nghiên cứu một số cam kết chính của EVFTA, những thuận lợi và khó khăn của Hiệp định liên quan đến nhóm hàng nông sản. Trên cơ sở đó, tác giả đề xuất một số giải pháp để khai thác tối đa các lợi thế của EVFTA nhằm đẩy mạnh XKHNS Việt Nam vào thị trường EU trong thời gian tới.

THỰC TRẠNG XUẤT KHẨU HÀNG NÔNG SẢN CỦA VIỆT NAM VÀO THỊ TRƯỜNG EU GIAI ĐOẠN 2005 - 2015

Trong giai đoạn 2005-2015, XKHNS của Việt Nam vào thị trường EU đã đạt được nhiều thành tích đáng khích lệ. Số liệu ở bảng 1 cho thấy, KNXKHNS đã tăng 3,8 lần, từ mức 669

triệu USD năm 2005 lên 2.531 triệu USD vào năm 2015.

Đặc biệt, thị trường EU rất ưa chuộng một số nông sản truyền thống của Việt Nam như: cà phê, trái cây và các loại hạt. Cà phê luôn là nhóm hàng xuất khẩu hàng đầu vào thị trường EU với tỷ trọng XK hàng năm đều duy trì ở mức gần 50%. Đứng ở vị trí thứ hai là trái cây, đặc biệt, tỷ trọng xuất khẩu nhóm hàng này liên tục gia tăng từ năm 2012 đến nay. Lợi thế của những nhóm hàng này cần được duy trì trong dài hạn.

Bên cạnh những kết quả đạt được, XKHNS nước ta vào thị trường EU còn một số hạn chế. Thứ nhất, nước ta chủ yếu xuất khẩu nông sản thô, chưa qua chế biến, công nghệ sản xuất lạc hậu. Chẳng hạn, với mặt hàng cà phê, phần lớn cà phê xuất khẩu vào EU là cà phê chưa rang. Trong 5 năm gần đây, tỷ trọng XK của loại cà phê này đều dao động mức khoảng 97%¹. Kết quả là, giá trị gia tăng trong sản phẩm thấp, lợi nhuận thu được từ XK không nhiều.

Mặt khác, chất lượng hàng nông sản Việt Nam chưa cao. Đây chính là rào lớn nhất của xuất khẩu nước ta vào thị trường EU hiện nay. Nhiều phân tích cho rằng nguyên nhân

^{*} Tel: 0987 356738. Email: thaitue102@gmail.com

¹ Tính toán của tác giả từ UN Comtrade

chính của tình trạng này là do chúng ta chưa xây dựng thành công chuỗi sản xuất sản phẩm. Do vậy, tất cả các khâu sản xuất, từ chọn giống, khoanh vùng nguyên liệu đến chế biến, bảo quản và bán hàng đều chưa đảm bảo. Thậm chí, một số DN xuất khẩu chỉ vì lợi nhuận trước mắt mà sản sàng gian lận. Nhiều đối tác thương mại lớn đã từng trả lại sản phẩm cho Việt Nam do không đạt tiêu chuẩn. Mỹ đã từng cấm thông quan quả Thanh long Việt Nam vì có dư lượng thuốc bảo vệ thực vật vượt quá mức quy định. Với lý do tương tự, EU cũng từng trả lại chè cho Việt Nam. Những vụ việc này khiến cho nông sản Việt Nam mất uy tín nghiêm trọng. Hậu quả là, DN chịu thua thiệt về giá cả và sự quan tâm của khách hàng ngay trong thị trường nội địa chứ chưa xét đến thế giới. Do vậy, nâng cao chất lượng hàng nông sản, xây dựng thương hiệu cho nông sản Việt là hết sức cần thiết.

Bên cạnh đó, cơ cấu XKHNS của nước ta vào thị trường EU có sự mất cân đối nghiêm trọng. Kim ngạch XKHNS phụ thuộc chủ yếu vào một số mặt hàng. Như vậy, bên cạnh việc duy trì vị trí của những mặt hàng có lợi thế

sẵn có, nước ta cần có chiến lược đẩy mạnh xuất khẩu các hàng hóa còn nhiều tiềm năng.

Các phân tích trên cho thấy, bên cạnh những thành công đã đạt được, hoạt động XKHNS của nước ta còn tồn tại một số hạn chế nhất định. Mặt khác, trong thời gian tới, khi Hiệp định EVFTA có hiệu lực sẽ có tác động không nhỏ tới XKHNS nước ta. Ở phần dưới đây, tác giả sẽ đề cập tới khía cạnh này.

MỘT SỐ CAM KẾT CHÍNH CỦA HIỆP ĐỊNH EVFTA CÓ TÁC ĐỘNG ĐẾN XUẤT KHẨU HÀNG NÔNG SẢN CỦA VIỆT NAM VÀO THỊ TRƯỜNG EU TRONG THỜI GIAN TỚI

Sơ với các FTA khác mà Việt Nam đã ký kết, EVFTA có nhiều điểm khác biệt. Không chỉ xóa bỏ thuế quan, Hiệp định còn có cơ chế hiệu quả giúp xúc tiến xuất khẩu của Việt Nam liên quan đến hàng rào phi thuế như quy tắc xuất xứ, thủ tục hải quan, các biện pháp vệ sinh an toàn thực phẩm (SPS), rào cản kỹ thuật trong thương mại (TBT), hỗ trợ kỹ thuật, phòng vệ thương mại, công nhận chỉ dẫn địa lý (GI) và xây dựng năng lực 0. Nội dung các cam kết chính của Hiệp định EVFTA được phân tích chi tiết ở phần dưới đây.

Bảng 1. Kim ngạch xuất khẩu một số nông sản chính của Việt Nam vào thị trường EU giai đoạn 2005-2015

DVT: Triệu USD; %

Năm	Cà phê và các SP thay thế cà phê		Trái cây và các loại hạt		Cao su nguyên liệu		Gia vị		Gạo		Tổng kim ngạch KNKK các mặt hàng trên	Tổng kim ngạch XKHNS vào thị trường EU	Tỷ trọng XK các mặt hàng trên ²
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng			
2005	314,85	47	121,03	18	91,55	14	48,13	7	3,91	1	579	669	87
2006	555,28	56	110,93	11	154,78	16	66,15	7	4,41	0	892	998	89
2007	880,80	60	172,97	12	149,82	10	92,40	6	5,44	0	1.301	1.457	89
2008	995,04	57	262,08	15	168,68	10	104,85	6	39,53	2	1.570	1.743	90
2009	845,28	58	218,33	15	84,73	6	123,37	8	40,75	3	1.312	1.469	89
2010	729,64	47	257,45	17	195,83	13	164,30	11	16,15	1	1.363	1.556	88
2011	1.063,56	48	366,32	17	295,14	13	241,91	11	20,61	1	1.988	2.217	90
2012	1.298,63	54	348,02	15	223,52	9	286,98	12	26,20	1	2.183	2.394	91
2013	1.127,70	51	332,37	15	183,83	8	293,95	13	31,65	1	1.969	2.211	89
2014	1.524,14	55	501,86	18	157,42	6	297,12	11	20,40	1	2.501	2.758	91
2015	1.179,31	47	633,74	25	120,73	5	323,87	13	28,08	1	2.286	2.531	90

(Nguồn: Tính toán của tác giả từ UN Comtrade)

² Chỉ số này tính toán tỷ trọng xuất khẩu của 5 nhóm hàng nông sản trên so với tổng KNXKNS của Việt Nam vào EU

(1) **Cam kết về thương mại hàng hóa:** EVFTA có cam kết về mở cửa thị trường thông qua cắt giảm hoặc xóa bỏ các hàng rào thuế quan và phi thuế quan.

Đối với thuế quan: Hiệp định EVFTA có lộ trình cắt giảm thuế quan nhanh và toàn diện nhất so với các FTA khác mà Việt Nam đã thực hiện.

Về thuế nhập khẩu, hai bên cam kết sẽ xóa bỏ thuế nhập khẩu cho gần 100% số dòng thuế và KNKK hàng hóa của nhau với lộ trình tối đa là 7 năm từ phía EU và 10 năm từ phía Việt Nam (tỷ lệ rất nhỏ còn lại sẽ hưởng hạn ngạch thuế quan với thuế nhập khẩu trong hạn ngạch là 0%). Đây là lợi thế lớn cho nước ta vì lộ trình cắt giảm thuế quan nhập khẩu của EU nhanh hơn Việt Nam tới 3 năm. Đặc biệt, với một số nông sản Việt Nam có lợi thế cạnh tranh cao ở thị trường này (chẳng hạn cà phê, trái cây), thuế nhập khẩu sẽ bị xóa bỏ ngay sau khi Hiệp định có hiệu lực. Để khai thác thuận lợi này, trong thời gian tới, nước ta cần tiếp tục đẩy mạnh xuất khẩu những nhóm hàng này.

Về thuế xuất khẩu, hai bên cũng cam kết không đánh thuế khi xuất khẩu hàng hóa từ nước này sang nước kia. Với Việt Nam, việc xóa bỏ thuế xuất khẩu sang EU được thực hiện theo lộ trình tối đa là 15 năm, trừ một số hàng hóa đặc biệt (chủ yếu là khoáng sản).

Các biện pháp phi thuế quan: Những biện pháp này bao gồm một số nguyên tắc cơ bản đã được áp dụng trong thương mại hàng hóa của WTO nhằm tạo thuận lợi cho thương mại hai bên.

(2) **Cam kết về quy tắc xuất xứ:** Cam kết của EVFTA liên quan đến nội dung này gồm có 2 phần chính là (i): Các quy định chung về quy tắc xuất xứ và (ii): Quy tắc cụ thể mặt hàng (PSR: Product specific rules).

Đối với các quy định chung về quy tắc xuất xứ: Trong mục này EVFTA có điều khoản đáng lưu ý về cơ chế tự chứng nhận xuất xứ. Ngoài cấp Giấy chứng nhận truyền thống (C/O: Certificate of Origin), hai bên cho phép

nhà xuất khẩu được tự chứng nhận xuất xứ¹ với mẫu C/O được sử dụng chung cho cả hai bên. Hiện tại, Việt Nam mới chỉ triển khai thí điểm cơ chế tự chứng nhận xuất xứ trong ASEAN. Do vậy, nước ta phải nhanh chóng hoàn thiện và sớm triển khai rộng rãi cơ chế này. Nó sẽ tiết kiệm được đáng kể thời gian và chi phí cho các doanh nghiệp xuất khẩu, điều này càng có ý nghĩa với nông sản, nhóm hàng dễ bị hư hỏng trong quá trình vận chuyển.

Đối với các quy tắc cụ thể mặt hàng (PSR): Đây là quy tắc với từng mặt hàng (ở cấp độ mã HS 8 số). Danh mục PSR được Việt Nam và EU xây dựng trên một số tiêu chí cụ thể. Nhìn chung, quy tắc xuất xứ đối với hàng nông sản trong Hiệp định EVFTA chặt chẽ hơn so với các FTA mà Việt Nam đang tham gia. Điều này tương đối dễ hiểu vì EU là một thị trường phát triển, mức sống người dân rất cao, do vậy họ đặc biệt quan tâm đến chất lượng và nguồn gốc của sản phẩm. Đối với hàng nông sản, EVFTA có quy định khá nghiêm ngặt về "Giới hạn tỷ lệ nguyên vật liệu không có xuất xứ trong quá trình sản xuất, gia công sản phẩm". Chẳng hạn EU quy định xuất xứ thuần túy đối với rau củ quả nguyên liệu và giới hạn tỷ lệ đường không xuất xứ 20% đối với sản phẩm chế biến từ rau củ quả⁴.

Như vậy, các cam kết về quy tắc xuất xứ mang lại nhiều cơ hội nhưng cũng đặt ra không ít thách thức cho xuất khẩu hàng nông sản Việt Nam. Tuy nhiên, xét ở một khía cạnh nhất định thì thách thức này cũng tạo ra động lực để nước ta thay đổi tư duy truyền thống, xây dựng chuỗi sản xuất nông nghiệp hiện đại, sản phẩm có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng.

(3) **Phòng vệ thương mại:** Trong Hiệp định, phòng vệ thương mại bao gồm các công cụ truyền thống mà WTO đã quy định (biện pháp

¹ Cơ chế tự chứng nhận xuất xứ là việc nhà xuất khẩu tự khai xuất xứ của sản phẩm trong bộ tài liệu nộp cho cơ quan Hải quan thay vì phải xin giấy chứng nhận xuất xứ từ các cơ quan chức năng

⁴ Do đường sưa là các mặt hàng nông sản nhạy cảm nên EU giới hạn tỷ lệ sử dụng đường, sưa nguyên liệu không có xuất xứ trong quá trình sản xuất một số mặt hàng nông sản.

chống bán phá giá, chống trợ cấp và tự vệ) nhưng có bổ sung một số quy định chi tiết hơn nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho thương mại.

Về các biện pháp chống bán phá giá: Ngoài sử dụng 3 tiêu chí của WTO làm căn cứ cho việc điều tra và áp dụng biện pháp chống bán phá giá, EVFTA yêu cầu các bên phải xem xét thêm một số nội dung khác như: lợi ích của người tiêu dùng, lợi ích của nhà nhập khẩu và các bên liên quan, hoàn cảnh của ngành sản xuất trong nước. Trường hợp phải thực hiện biện pháp chống bán phá giá hoặc đối kháng, các quốc gia phải sử dụng mức thuế thấp hơn biên độ phá giá hay trợ cấp và chỉ ở mức đủ để loại bỏ thiệt hại.

Về tự vệ thương mại: EVFTA quy định một cơ chế tự vệ song phương trong thời gian chuyển đổi là 10 năm kể từ khi Hiệp định có hiệu lực thông qua công cụ thuế. Thời hạn áp dụng tự vệ được phép là 2 năm, có thể gia hạn thêm nhưng tối đa không quá 2 năm.

Như vậy, cam kết về phòng vệ thương mại của EVFTA tương đối linh hoạt. Điều này tạo nhiều thuận lợi cho XKNS của Việt Nam vào thị trường EU. Tuy nhiên, do nước ta vẫn bị EU coi là nền kinh tế phi thị trường nên nguy cơ bị điều tra và áp dụng các biện pháp chống bán phá giá đối với nhóm hàng nhạy cảm như nông sản vẫn khá cao. Để đảm bảo xuất khẩu bền vững vào thị trường này đòi hỏi nước ta tiếp tục đàm phán để sớm được EU công nhận là nền kinh tế thị trường.

(4) Các rào cản kỹ thuật trong thương mại (TBT): So với Hiệp định TBT của WTO thì EVFTA có một số điểm mới, chẳng hạn quy định về ghi dấu và ghi nhãn. Về ghi nhãn, cả hai bên cam kết chấp nhận việc ghi nhãn, bao gồm cả nhãn bổ sung/ sửa đổi đối với nhãn được thực hiện tại các cơ sở được cấp phép ở nước nhập khẩu trước khi phân phối hoặc bán sản phẩm.

(5) Các tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm (SPS): Do thực phẩm là nhóm hàng có ảnh hưởng trực tiếp tới sức khỏe người tiêu dùng nên trong tự như WTO và các FTA

khác, EVFTA cho phép các bên được áp dụng biện pháp SPS với hàng nhập khẩu trên cơ sở khoa học. Tuy nhiên, để tạo điều kiện thuận lợi cho thương mại, EVFTA bổ sung thêm một số điều khoản, bao gồm: (i): Danh sách doanh nghiệp đáp ứng yêu cầu; (ii): Công nhận tương đương và đặc biệt là (iii): Quy định linh hoạt đối với biện pháp SPS do EU ban hành mà Việt Nam khó đáp ứng.

Đối với danh sách doanh nghiệp đáp ứng yêu cầu: EVFTA cho phép mỗi bên thiết lập danh sách các doanh nghiệp xuất khẩu hàng nông, thủy sản, thực phẩm đáp ứng yêu cầu vệ sinh an toàn thực phẩm và hệ thống sản phẩm tương ứng của DN. Những DN trong danh sách này phải đáp ứng một số điều kiện mà hai bên đã xây dựng chung trên cơ sở các tiêu chuẩn quốc tế. Khi xuất khẩu, những doanh nghiệp này sẽ không phải qua khâu thanh tra doanh nghiệp. Tuy nhiên, nếu DN vi phạm các quy định thì có thể bị loại bỏ khỏi danh sách.

Đối với công nhận tương đương: Tương tự như các FTA khác, EVFTA cũng thỏa thuận thủ tục công nhận tương đương đối với các biện pháp SPS do mỗi bên áp dụng nhằm giảm bớt rào cản về kiểm dịch khi xuất khẩu nhóm hàng này từ bên này sang bên kia.

Quy định linh hoạt với các biện pháp SPS do EU ban hành mà Việt Nam khó đáp ứng: Đây là quy định có lưu ý đến chênh lệch trình độ giữa Việt Nam - EU, nhằm tạo thuận lợi cho xuất khẩu của nước ta. EVFTA cho phép Việt Nam được chọn 1 trong 3 giải pháp sau nếu hàng nông sản nước ta gặp khó khăn trong việc đáp ứng các quy định SPS của EU. Một là, EU dành cho Việt Nam một khoảng thời gian quá độ để thực hiện biện pháp này. Hai là, Việt Nam đề xuất một biện pháp SPS tương đương và đề nghị EU xem xét công nhận. Ba là, EU dành hỗ trợ kỹ thuật để giúp Việt Nam dần đáp ứng được biện pháp này. Theo tác giả, chúng ta nên lựa chọn hướng tiếp nhận sự trợ giúp của EU về mặt kỹ thuật. Như thế, nước ta sẽ được chuyển giao công

nghe hiện đại từ Liên minh phát triển nhất thế giới này. Đây là nền tảng căn bản để hoàn thiện mô hình sản xuất nông nghiệp công nghệ cao trong thời gian ngắn. Tuy vậy, đề quá trình tiếp nhận này thành công, Việt Nam cần có sự chuẩn bị chu đáo về các nguồn lực đầu vào đặc biệt là lao động có trình độ cao vì khoảng cách công nghệ của Việt Nam và EU rất lớn. Trước mắt, nước ta nên thực hiện thí điểm với một số mặt hàng nông sản có lợi thế lớn như cà phê, trái cây rồi tiếp tục nhân rộng mô hình này trong cả nước.

Có thể thấy, mặc dù cả TBT và SPS đều được xây dựng theo hướng tạo thuận lợi tối đa cho thương mại, nhưng để tận dụng được tối đa lợi thế này thì vấn đề cốt lõi đặt ra là nước ta phải có chiến lược dài hạn để nâng cao chất lượng hàng nông sản.

(6) Sở hữu trí tuệ (SHTT): Sở hữu trí tuệ là nội dung bắt buộc phải có trong các Hiệp định FTA thế hệ mới như EVFTA. Bảo vệ quyền SHTT cũng là điều kiện căn bản để Việt Nam thu hút được nguồn vốn đầu tư chất lượng cao từ các nước EU. Liên quan đến SHTT đối với hàng nông sản, đáng lưu ý là cam kết về "Chỉ dẫn địa lý"⁵.

Hiện tại, Việt Nam chỉ có nước mắm Phú Quốc được bảo hộ chỉ dẫn địa lý (GI) ở châu Âu, con số quá khiêm tốn so với 7.000 chỉ dẫn địa lý tại thị trường này. Trong Hiệp định EVFTA, EU cam kết bảo hộ 39 chỉ dẫn địa lý của nước ta. Hai bên cũng thống nhất một cơ chế cho phép bổ sung các chỉ dẫn địa lý mới trong tương lai.

Thực tế cho thấy, GI mang lại rất nhiều lợi ích cho bản thân sản phẩm, cho địa phương và rộng hơn là quốc gia. Sản phẩm có GI sẽ được người tiêu dùng đánh giá cao về thương hiệu, nguồn gốc và chất lượng. Người dân châu Âu thường ưu tiên lựa chọn những sản phẩm có chỉ dẫn địa lý và chất lượng đặc trưng theo vùng nên điều này càng có ý nghĩa.

Ở góc độ rộng hơn, chỉ dẫn địa lý còn giúp khách hàng biết đến vùng, miền đó, tạo thuận lợi để địa phương tiếp tục khai thác các sản phẩm truyền thống và phát triển nhiều lĩnh vực kinh tế khác, đặc biệt là du lịch, nhà hàng. Hơn nữa, bảo hộ GI là bảo hộ vô thời hạn, DN không phải nộp đơn xin lại nhiều lần, nên tiết kiệm được thời gian và chi phí đăng ký.

Những phân tích trên cho thấy, Hiệp định EVFTA có nhiều cam kết liên quan trực tiếp đến hoạt động XKNS của Việt Nam, đó là các nội dung về thương mại hàng hóa (hàng rào thuế quan và phi thuế quan), quy tắc xuất xứ (bao gồm quy định chung và các quy tắc cụ thể mặt hàng), phòng vệ thương mại, rào cản kỹ thuật trong thương mại (TBT), các tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm (SPS) và cam kết về sở hữu trí tuệ.

Ngoài ra, EVFTA còn bao gồm một số cam kết khác liên quan trực tiếp đến việc tạo thuận lợi cho thương mại hai bên, đồng thời mở rộng hợp tác toàn diện sang một số lĩnh vực khác.

Tóm lại, EVFTA đã mang lại cơ hội lớn cho xuất khẩu nông sản của Việt Nam. Tuy nhiên, để nhanh chóng chuyển cơ hội này thành hiện thực đòi hỏi có các giải pháp hiệu quả nhằm khai thác triệt để những lợi thế của Hiệp định. **GIẢI PHÁP KHAI THÁC CÁC LỢI THẾ CỦA HIỆP ĐỊNH EVFTA NHẪM ĐẨY MẠNH XKNS CỦA VIỆT NAM VÀO THỊ TRƯỜNG EU TRONG THỜI GIAN TỚI**

Từ các phân tích trên có thể thấy, để khai thác các lợi thế của Hiệp định EVFTA thì chúng ta cần sử dụng đồng bộ nhiều giải pháp sau:

Giải pháp nhằm đẩy mạnh cầu hàng nông sản:

- **Đẩy mạnh xuất khẩu các mặt hàng nông sản có lợi thế cạnh tranh cao:** Trong ngắn hạn, các DN nên tập trung xuất khẩu một số mặt hàng nông sản Việt Nam được người tiêu dùng châu Âu tin nhiệm như cà phê, trái cây. Tuy nhiên, trong dài hạn, DN cần nghiên cứu mở rộng xuất khẩu sang một số mặt hàng chất lượng tốt và có nhiều tiềm năng khác như gạo, trái cây chế biến.

¹ Khác với WTO, EU chỉ cấp chỉ dẫn địa lý cho nhóm hàng nông sản

- *Tiếp tục mở rộng số lượng mặt hàng được bảo hộ chỉ dẫn địa lý:* Nước ta phải tích cực hoàn thiện các thủ tục để sớm được EU cấp chỉ dẫn địa lý (GI) cho một số mặt hàng có chất lượng nổi tiếng theo vùng miền.

- *Nâng cao chất lượng hàng nông sản xuất khẩu:* Mặc dù các cam kết về TBT và SPS của EVFTA có lưu ý đến chênh lệch về trình độ giữa EU và Việt Nam nhưng rõ ràng chia khóa quyết định thành công của XKNS Việt Nam vào thị trường EU là chất lượng sản phẩm. Tuy nhiên, nâng cao chất lượng hàng nông sản là một bài toán khó, cần có sự liên kết chặt chẽ của cả bốn nhà: Nhà nông - Nhà nước - Nhà khoa học - Nhà doanh nghiệp. Sự liên kết trên sẽ tạo ra chuỗi sản xuất sản phẩm hiệu quả, đảm bảo từ khâu chọn giống, khoan vùng nguyên liệu cho tới khâu chế biến, bảo quản và tiêu thụ hàng hóa.

Giải pháp nhằm đẩy mạnh cung hàng nông sản

- *Tích cực thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) từ các nước EU vào lĩnh vực nông nghiệp.* Có thể thấy, FDI đóng vai trò quan trọng trong quá trình hiện đại hóa nền nông nghiệp nước ta. FDI góp phần bổ sung nguồn vốn đầu tư, chuyển giao công nghệ hiện đại và giải quyết việc làm cho lao động ngành nông nghiệp. Trong Hiệp định EVFTA, EU cũng cam kết sẽ có trợ giúp kỹ thuật nhằm nâng cao tay nghề, trình độ cho lao động Việt Nam. Hiện tại, FDI vào nông nghiệp nước ta còn hết sức khiêm tốn nên đầu tư của EU, Liên minh phát triển nhất thế giới lại càng có ý nghĩa.

- *Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong ngành nông nghiệp.* Hiệp định EVFTA mở ra rất nhiều cơ hội cho sản xuất nông nghiệp Việt Nam. Tuy nhiên, để khai thác được những cơ hội này thì điều kiện tiên quyết là nước ta phải nâng cao trình độ nguồn nhân lực hiện còn nhiều yếu kém. Người lao động cần bắt đầu thay đổi từ tư duy, bởi vì lao động nước ta vẫn mang nặng tư duy sản xuất truyền thống và chưa sẵn sàng hội nhập. Từ thay đổi tư duy, họ sẽ có động lực hoàn thiện, nâng

cao trình độ để xây dựng nền sản xuất hàng hóa hiện đại.

Giải pháp nhằm nâng cao chất lượng Chính sách can thiệp của Nhà nước:

- *Nâng cao chất lượng thể chế:* Nhà nước cần tiếp tục cải cách thể chế, hoàn thiện các thủ tục pháp lý để Việt Nam sớm được EU công nhận là nền kinh tế thị trường. Điều này sẽ giúp nước ta giảm thiểu nguy cơ bị EU áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại gây tác động tiêu cực tới xuất khẩu.

- *Thành lập Bộ phận chuyên trách để cung cấp và tư vấn các thông tin liên quan đến hoạt động xuất khẩu cho doanh nghiệp:* Như tác giả đã phân tích, thị trường EU có những quy chuẩn, tiêu chuẩn vệ sinh an toàn và kiểm dịch động thực vật hết sức nghiêm ngặt với hàng nông sản. Nếu doanh nghiệp không tiếp cận đầy đủ thông tin, hàng hóa xuất khẩu không đáp ứng yêu cầu thì khả năng bị EU trả lại hàng rất cao. Do vậy, việc thành lập Bộ phận tư vấn cho DN, đặc biệt trong trường hợp Hiệp định EVFTA có hiệu lực là rất cần thiết.

KẾT LUẬN

Hiệp định EVFTA đã mở ra nhiều cơ hội lớn cho XKNS của Việt Nam. Do vậy, khai thác tối đa các lợi thế mà Hiệp định mang lại chính là chìa khóa quyết định sự thành công của XKNS nước ta. Trong bài báo này, tác giả đã phân tích các nội dung chính của Hiệp định liên quan trực tiếp đến hoạt động XKNS của Việt Nam, đó là các cam kết về: thương mại hàng hóa, quy tắc xuất xứ, phòng vệ thương mại, rào cản kỹ thuật trong thương mại (TBT), các tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm (SPS) và sở hữu trí tuệ. Từ đó, tác giả đề xuất các giải pháp tương ứng nhằm đẩy mạnh XKNS của nước ta vào thị trường EU trong thời gian tới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Công thương Việt Nam (2016), *Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - EU*, Bản tiếng Anh
2. Bộ Công thương Việt Nam (2016), *Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - EU*, Bản dịch tiếng Việt.

3. Bộ Công thương (2016), *Sổ tay cho Doanh nghiệp Việt Nam về Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - Liên minh châu Âu (EVFTA)*.

4. UN Comtrade, *Số liệu xuất nhập khẩu giữa Việt Nam và EU giai đoạn 2005-2015*.

SUMMARY

EXPLOITING THE ADVANTAGES OF EU-VIETNAM FREE TRADE AGREEMENT TO PROMOTE AGRICULTURAL EXPORTS OF VIETNAM TO EUROPEAN MARKET

Đỗ Thị Hòa Nhã^{*}, Ma Thị Huyền Nga

University of Economics and Business Administration - TNU

On December 2, 2015, Vietnam and the European Union officially concluded negotiations with the EU - Vietnam Free Trade Agreement (EVFTA). A "new generation" agreement on trade of Vietnam, EVFTA is expected to create preferences for exports, especially agricultural exports of the country. In this paper, the authors describe the current situation, performance and limitations of agricultural exports of Vietnam to EU over the 2005 - 2015 period. In addition, they also analyzed the main commitments of EVFTA to the operation of the Vietnam agricultural exports. Finally, in this study some recommendations were proposed to exploit the advantages of the Agreement in order to promote Vietnam's agricultural exports to the EU market in the near future.

Key words: *Export; agricultural product; commitment; the EU- Vietnam Free trade agreement; trade facilitation*

Ngày nhận bài: 31/12/2016; Ngày phân biệt: 20/01/2017; Ngày duyệt đăng: 31/3/2017

^{*} Tel: 0987 356738, Email: thaitue102@gmail.com